QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986-2024)

TRẦN NGỌC ANH
Khoa Khoa học cơ bản,
Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 04/4/2025. Sửa chữa xong 12/4/2025. Duyệt đăng 19/4/2025.

Abstract

Throughout the leadership of the Vietnamese revolution, particularly since 1986, the Communist Party of Vietnam has clearly recognized the necessity and inevitability of international integration. Over nearly four decades of comprehensive renovation, the Party's perceptions and viewpoints on international integration have been consistently articulated, continuously refined, and actively implemented in alignment with the country's specific circumstances. This article elucidates the Party's perceptions, viewpoints, and the practical, proactive approach to extensive international integration during the national renovation period.

Keywords: *Perception, Party's viewpoints, Communist Party of Vietnam, integration, international integration, renovation.*

1. Đặt vấn đề

Hội nhập quốc tế (HNQT) là một xu thế khách quan, tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng khi các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới ngày càng gắn kết, liên thông với nhau về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng tăng cao không chỉ tạo ra cơ hội hợp tác phát triển mà còn đặt ra những yêu cầu và thách thức mới cho mỗi quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển. Đối với Việt Nam - một quốc gia còn đang trong quá trình CNH, HĐH, việc chủ động, tích cực tham gia HNQT là yêu cầu tất yếu của tiến trình phát triển đất nước trong thời đại mới. Hội nhập không chỉ mở ra không gian rộng lớn cho hợp tác, thu hút nguồn lực bên ngoài mà còn là động lực thúc đẩy đổi mới tư duy phát triển và hoàn thiện thể chế. Đây không chỉ là nhu cầu khách quan mà còn là một chiến lược lớn, được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ ràng, nhất quán và xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước vào năm 1986. Trong gần bốn thập niên vừa qua, từ xuất phát điểm là một quốc gia chịu nhiều hậu quả của chiến tranh, còn bị bao vây, cấm vận, Đảng ta đã chủ động từng bước mở rộng quan hệ đối ngoại, khai thác hiệu quả tiềm năng hợp tác quốc tế, đồng thời không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về HNQT. Các chủ trương đó được triển khai một cách chủ động, tích cực, toàn diện và sâu rộng, không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sang các lĩnh vực chính trị, văn hóa, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Những quan điểm chiến lược về HNQT thể hiện rõ bản lĩnh, tư duy độc lập, sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo cách mạng, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của Đảng trong định hướng, dẫn dắt Việt Nam vững bước trên con đường HNQT sâu rộng và hiệu quả. Bài viết tập trung phân tích quá trình hình thành, phát triển nhận thức và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về HNQT trong thời kỳ đổi mới, từ năm 1986 đến năm 2024. Trên cơ sở đó, góp phần làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc hoạch định và thực thi chiến lược HNQT phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh mới của thời đại.

Email: tnanh@hcmulaw.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tư duy, nhận thức, quan điểm của Đảng về hội nhập quốc tế

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói "Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc thì Đảng không có lợi ích gì khác" [1, tr. 290], đây cũng là là mục tiêu cao nhất của Bác trong thực hiện công tác đối ngoại. Trong suốt 95 năm (1930-2025), đặc biệt là từ năm 1986 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn có nhận thức xác đáng về thời đại, tình hình thế giới và khu vực, từ đó đưa ra những định hướng, những chính sách đối nội và đối ngoại hợp lý, bám sát tình hình, hướng tới mục tiêu cao nhất của hội nhập là lợi ích quốc gia - dân tộc.

Đại hội VI (tháng 12/1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định: Cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của thế giới. Đồng thời, Đại hội VI cũng đưa ra chủ trương tranh thủ những điều kiện thuận lợi về hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi vào việc phân công và hợp tác quốc tế trong "Hội đồng tương trợ kinh tế và mở rộng với các nước khác"; "Nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là mở mang quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng XHCN; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi" [2, tr. 81].

Tới Đại hội VII (tháng 6/1991) đề cập đến vấn đề hội nhập, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra chủ trương "Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình" [3, tr. 88]. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra định hướng "đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ với các quốc gia, các tổ chức kinh tế". Đại hội VII nhấn mạnh tư tưởng chủ đạo là: Giữ vững nguyên tắc độc lập, thống nhất và CNXH, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ.

Đến Đại hội VIII (tháng 6/1996), thuật ngữ "hội nhập" và "hội nhập kinh tế quốc tế" chính thức được đề cập trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội VIII khẳng định: "Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả" [4, tr. 84]. "Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực vừa hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác. Chủ động tham gia thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc, với bước đi thích hợp" [4, tr. 90].

Văn kiện Đại hội IX (tháng 4/2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế: "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường" [5, tr. 120]. Nhận thức, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế được thể hiện cụ thể trong Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị "Về hội nhập kinh tế quốc tế".

Văn kiện Đại hội X (tháng 4/2006) của Đảng tiếp tục khẳng định chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế: "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác… Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước… Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương" [6, tr. 112]. Ngày 05/02/2007, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW "Về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới". Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội XI (tháng 01/2011), nhận thức, quan điểm của Đảng ta về hội nhập có sự thay đổi lớn, chuyển từ "hội nhập kinh tế quốc tế" sang "chủ động và tích cực HNQT", tức là mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Với nhận thức này, hội nhập của Việt Nam không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế đơn thuần mà còn mở rộng ra trong các lĩnh vực khác: chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa, giáo

dục… Đây thực sự là bước chuyển biến rất quan trọng, rất căn bản trong tư duy của Đảng về HNQT. Đại hội XI cũng xác định vị thế ngày càng cao của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc giải quyết các vấn đề khu vực và trên thế giới, từ đó có thể đóng vai trò là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, hợp tác và phát triển, khẳng định rõ quan điểm: "Chủ động và tích cực HNQT; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh…" [7, tr. 83]. Nhằm cụ thể hóa chủ trương "chủ động và tích cực HNQT" theo tinh thần Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về HNQT để hướng tới củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Tiếp đến, ngày 7/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tổng thể HNQT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Việt Nam. Đây được xem là văn kiện có ý nghĩa chiến lược, thống nhất nhận thức về HNQT trong tình hình mới, xác định mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và phương hướng nhiệm vụ HNQT của Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Đến Đại hội XII (tháng 01/2016), do nhận thức đúng về xu thế thời đại và cục diện khu vực cũng như thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách đúng đắn, kịp thời trên cơ sở lợi ích quốc gia, dân tộc. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: "Thực hiện hiệu quả HNQT trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế", "Chủ động và tích cực HNQT", "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi…" [8, tr. 153]. Ngoài ra, Văn kiện Đại hội XII còn cụ thể hóa một bước trong việc chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là "Về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác" [8, tr. 155]. Tại Hội nghị lần thứ 4 khóa XII, ngày 5/11/2016, Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW "Về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới". Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 01/2021) khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực HNQT toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc" [9, tr. 164]. Vấn đề đặt ra ở đây là vì sao Đảng ta đưa ra đường lối "tích cực HNQT toàn diện và sâu rộng"? Vì trong thời đại 4.0 hiện nay, nếu không hội nhập trên tất cả các lĩnh vực chắc chắn Việt Nam sẽ bị bỏ lại phía sau. Đặc biệt, nếu không hội nhập sâu rộng thì Việt Nam sẽ khó tiếp cận công nghệ hiện đại, không nắm bắt được kỹ thuật tiên tiến nên không thể tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hơn nữa, khi đã ở thế chủ động thì chúng ta có quyền lựa chọn từ đối tác đến công nghệ, sản phẩm và hội nhập sâu rộng sẽ phát huy được mọi tiềm năng, thế mạnh trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề mà Việt Nam có thế mạnh. Văn kiện Đại hội XIII đưa ra nhận định: Trong những năm tới, tình hình thế giới sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường nhưng "hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn", quá trình "toàn cầu hóa và HNQT tiếp tục tiến triển" [9, tr. 105] hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng; "Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc" [9, tr. 106]

Qua những điều đã trình bày ở trên có thể khái quát nhận thức, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập trong gần 40 năm đổi mới đất nước như sau: Đó là từ chủ trương tranh thủ cơ hội của

cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật để tham gia phân công hợp tác quốc tế, đẩy mạnh quan hệ kinh tế với khu vực và các nước trên thế giới đến mức cao hơn là tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và một số lĩnh vực khác, hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương chủ động, tích cực hội nhập trên tất cả các lĩnh vực - chủ động và tích cực HNQT toàn diện, sâu rộng.

2.2. Thành tựu đạt được trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế (1986-2024)

Với phương hướng "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực HNQT; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế" [7, tr. 153]. Trên cơ sở nhận thức, quan điểm của Đảng và thực tiễn qua gần 40 năm đổi mới và HNQT đã mang lại nhiều thành tựu to lớn cho đất nước ta.

2.2.1. Về hợp tác song phương

Vượt qua những khó khăn, tác động bất lợi bởi tình hình quốc tế phức tạp (biến động của Liên xô và các nước XHCN Đông Âu những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX), Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế. Tính đến hết năm 2024, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện với Australia, Pháp và Malaysia, nâng cấp lên Đối tác chiến lược với Brazil và thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện với Mông Cổ và Các Tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE), nâng tổng số đối tác có khuôn khổ quan hệ lên 32 đối tác và ký kết hơn 170 thỏa thuận hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Cũng trong năm 2024 "Lãnh đạo chủ chốt ta đã tiến hành tổng cộng 60 hoạt động đối ngoại, trong đó có 21 chuyến thăm tới các nước và tham dự các hội nghị đa phương lớn; đón 25 đoàn lãnh đạo các nước thăm Việt Nam". Thành công của các chuyến thăm, hoạt động đối ngoại này đã tạo nên bước phát triển mới về chất trong đối ngoại và HNQT của nước ta.

2.2.2. Về hợp tác đa phương

Việt Nam đã trở thành thành viên của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), thành viên của Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Ngày 28/7/1995 Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và chính thức tham gia khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA) từ 01/01/1996. Đây là những sự kiện đánh dấu bước đột phá trong đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam trong tiến trình hội quốc tế. Năm 1996, Việt Nam tham gia sáng lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Năm 1998, Việt Nam trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Đặc biệt, ngày 11/01/2007 Việt Nam trở thành thành viên 150 của Tổ chức Thương mại thế giới. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được nâng lên một tầm cao hơn thông qua việc tham gia ký kết các hiệp định kinh tế đa phương và song phương. Cùng với việc thực hiện chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về HNQT, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia vào hầu hết các hiệp định đa phương thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do với Vương quốc Anh.

2.2.3. Về hoạt động xuất, nhập khẩu

Nhận thức, quan điểm của Đảng và Nhà nước về HNQT trong thời kỳ đổi mới đã góp phần tạo lập môi trường, không gian để nền kinh tế Việt Nam được "cất cánh". Nổi bật là kim ngạch xuất khẩu của nước ta không ngừng được tăng lên, đóng góp một phần quan trọng vào sự tăng trưởng GDP. Nếu năm 1986, tổng kim ngạch xuất khẩu mới đạt 822,9 triệu USD [10, tr. 261] thì năm 2021 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đã đạt 336,17 tỷ USD, năm 2023 đạt 354,7 tỷ USD [11, tr. 12] năm 2024 đạt 405,53 tỷ USD [12]. Không chỉ xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu cũng tăng lên tương ứng từ 2,155 triệu USD năm 1986 [10, tr. 261] lên 332,84 tỷ USD năm 2021 và năm 2023 là 326,4 tỷ USD [11, tr. 12] năm 2024 là 380,76 tỷ USD [12]. Từ số liệu xuất nhập khẩu cho thấy mức độ mở cửa của nền kinh tế là tương đối lớn với tỷ lệ tổng kim ngạch xuất nhập khẩu từ nhập siêu -1,332 triệu USD năm 1986 chuyển sang xuất siêu: năm 2020 xuất siêu 19,8 tỷ USD, đến năm 2023 xuất siêu 28 tỷ USD, năm 2024 xuất siêu 24,77 tỷ USD [12].

2.2.4. Về hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Vốn FDI đã trở thành một trong những động lực cho phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt kể từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Nếu như từ năm 1988 đến năm 2006, số dự án và tổng vốn đăng ký FDI vào Việt Nam khá khiêm tốn: giai đoạn 1988-1990 có 211 dự án, với tổng vốn đăng ký là 1603,5 triệu USD thì kể từ sau năm 2007, số dự án và tổng vốn đăng ký FDI không ngừng tăng lên: từ 1.544 dự án và tổng vốn đăng ký 23348,8 triệu USD năm 2007, lên 4.028 dự án và tổng vốn đăng ký 38951,7 triệu USD năm 2019, và năm 2023 là 3314 dự án với tổng vốn đăng ký 39390,3 triệu USD [11].

2.2.5. Về hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

Bên cạnh việc thu hút hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài, từ năm 1989, Việt Nam còn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Nếu như giai đoạn 1989-2002, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam hết sức khiêm tốn chỉ dao động trên, dưới 10 dự án/năm và với số vốn chưa đến 10 triệu USD/năm thì từ năm 2003 trở đi số dự án và tổng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của nước ta không ngừng tăng lên: từ 24 dự án và với tổng vốn đăng ký 28,1 triệu USD năm 2003, lên 172 dự án và tổng vốn đăng ký 528,8 triệu USD năm 2019 [11].

Nhờ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong những năm đổi mới nên thu nhập bình quân đầu người cũng tăng lên đáng kể: Năm 2022, GDP đầu người đạt 4.110 USD (tương đương 95,6 triệu đồng) so với 86 USD vào năm 1988. Năm 2023, GDP đầu người đạt 4.282 USD, năm 2024 GDP đầu người đạt 4.700 USD [13]. Quy mô GDP và thứ tự xếp hạng của Việt Nam cũng tăng lên từ 41,3 tỷ USD (xếp thứ 60/200 trên thế giới). Đến năm 2021, quy mô GDP Việt Nam đã tăng lên đạt 368 tỷ USD, (xếp thứ 41 trên thế giới). GDP theo giá hiện hành năm 2023 đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD (năm 2022 đạt 9.548,7 nghìn tỷ đồng, tương đương 410 tỷ USD), đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN và thứ 35 trên thế giới [11, tr. 11] năm 2024 đạt 450 tỷ USD, tăng 1 bậc so với năm ngoái và đạt thứ hạng 34 trên thế giới.

2.2.6. Về hoạt động văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, tham gia lực lượng hòa bình thế giới

Trong quá trình HNQT, Đảng và Nhà nước đã chú trọng thực hiện các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Thêm nữa, các chính sách bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc cũng được tăng cường thực hiện. Việt Nam hiện có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận, gồm: Quần thể di tích cố đô Huế (Thừa Thiên Huế); Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); khu di tích Chăm Mỹ Sơn, đô thị cổ Hội An (Quảng Nam); Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình); Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội); Thành nhà Hồ (Thanh Hóa); Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình). Đến nay, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi danh 14 di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, bao gồm: Nhã nhạc - Nhạc Cung đình Triều Nguyễn; Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên; Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Hát Ca Trù; Hội Gióng ở Đền Phù Đổng và Đền Sóc; Hát Xoan Phú Thọ; Tín ngưỡng Thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ; Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ; Dân ca Ví, Dặm ở Nghệ Tĩnh; Nghi lễ và trò chơi Kéo co; Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt; Nghệ thuật Bài Chòi ở Trung Bộ; Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái và mới đây nhất là Nghệ thuật Xèo Thái.

Thông qua hội nhập, đặc biệt là thông qua việc tham gia ASEAN và các Hiệp định Thương mại tự do, Việt Nam đã mở rộng, tăng cường, liên kết và hợp tác với các nước, điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội. Song song với đó, hoạt động an ninh quốc phòng tiếp tục được đảm bảo, chính trị được giữ ổn định góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Từ năm 2014 đến nay, Việt Nam tích cực tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình thế giới (năm 2014, theo Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, Việt Nam đã cử cán bộ, nhân viên thuộc Bộ Quốc phòng đi làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại các Phái bộ Cộng hòa Trung Phi, Nam Sudan và Cục Hoạt động hòa bình tại Trụ sở Liên hợp quốc). Việc các lực lượng Việt Nam tham gia hoạt động đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ, được Liên hợp quốc, sĩ quan quân đội các nước và Chính quyền các nước sở tại đánh giá cao.

Xem tiếp trang 18